

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Ngô Quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	430001	Thái Bình An	x	26/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.50	3.75	2.75	10.00
2	430002	Nguyễn Bùi Tài An		31/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.00	5.50	4.25	13.75
3	430003	Lê Đỗ Hoài An		20/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.25	8.75	8.00	24.00
4	430004	Huỳnh Hồ Phương An	x	02/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	6.75	5.00	18.00
5	430005	Nguyễn Ngọc Tâm An		27/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	3.00	3.50	11.50
6	430006	Lê Thạch Bảo An		11/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.75	8.25	9.75	24.75
7	430007	Lê Bảo Quỳnh Anh	x	20/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	8.25	8.75	9.00	26.00
8	430008	Nguyễn Hoàng Anh		06/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	8.50	8.25	22.75
9	430009	Nguyễn Hoàng Anh		14/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.75	8.75	8.25	23.75
10	430010	Trương Hồng Quỳnh Anh	x	28/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.00	8.00	7.25	22.25
11	430011	Nguyễn Ngọc Lan Anh	x	11/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.00	8.25	7.00	22.25
12	430012	Trương Ngọc Lan Anh	x	12/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	5.25	4.00	15.25
13	430013	Tạ Nguyễn Tuấn Anh		22/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.75	9.00	5.75	20.50
14	430014	Trần Phương Anh	x	12/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.00	8.25	8.25	23.50
15	430015	Trương Thị Quỳnh Anh	x	19/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	6.50	5.25	18.00
16	430016	Phạm Trần Quỳnh Anh	x	22/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	7.00	6.00	19.00
17	430017	Hoàng Tuấn Anh		27/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.00	4.00	3.00	10.00
18	430018	Nguyễn Huỳnh Phúc Gia Ân		13/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	2.75	6.50	6.50	15.75
19	430019	Huỳnh Nguyễn Trọng Ân		08/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	6.50	6.75	18.50
20	430020	Lê Gia Bảo		27/10/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	6.00	7.25	18.50
21	430021	Trần Hoàng Bảo		25/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.75	3.50	3.50	13.75
22	430022	Đồng Lê Quốc Bảo		01/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.25	7.00	21.50
23	430023	Phan Nguyễn Gia Bảo		19/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	6.50	6.00	18.50
24	430024	Lê Quốc Bảo		04/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	6.00	2.25	13.25
25	430025	Trần Quốc Bảo		01/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	2.50	3.00	4.50	10.00
26	430026	Võ Thanh Bảo		16/05/2009	THCS Trần Hưng Đạo	5.25	4.50	4.75	14.50
27	430027	Lê Thế Bảo		01/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.50	8.50	7.75	23.75
28	430028	Nguyễn Vũ Minh Bảo		27/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	6.50	7.50	19.25
29	430029	Lê Đỗ Việt Bắc		05/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.00	4.25	3.00	11.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
30	430030	Nguyễn Văn Bắc		07/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.75	6.00	4.50	16.25
31	430031	Võ Tấn Bình		24/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	6.75	6.25	18.25
32	430032	Trần Vũ An Bình	x	28/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.25	7.75	8.75	23.75
33	430033	Nguyễn Hữu Cảnh		24/10/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.75	6.00	18.75
34	430034	Nguyễn Đoàn Hoàng Châu	x	03/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	4.00	4.25	14.75
35	430035	Nguyễn Hoàng Kim Chi	x	11/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	5.50	3.50	14.50
36	430036	Phạm Thị Yến Chi	x	08/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	9.00	9.00	24.00
37	430037	Mai Chí Công		09/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	6.00	6.50	18.75
38	430038	Nguyễn Xuân Cường		16/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.75	4.75	4.25	14.75
39	430039	Trương Thành Danh		20/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	2.75	4.75	4.50	12.00
40	430040	Nguyễn Từ Khải Doanh	x	23/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	5.00	2.75	13.25
41	430041	Nguyễn Đức Duy		29/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	4.75	4.75	14.75
42	430042	Võ Hoàng Duy		19/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	3.50	2.00	10.50
43	430043	Bùi Trường Khánh Duy		07/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	5.00	4.00	14.00
44	430044	Trần Lê Kiều Duyên	x	10/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.00	8.75	9.00	24.75
45	430045	Nguyễn Song Duyên	x	30/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	7.00	6.50	19.75
46	430046	Lê Thị Mỹ Duyên	x	30/10/2009	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	6.00	2.25	14.50
47	430047	Nguyễn Thùy Duyên	x	30/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	7.50	7.25	20.75
48	430048	Dương Hoàng Dũng		31/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.00	5.25	6.00	14.25
49	430049	Nguyễn Lê Tùng Dương		26/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.50	8.00	8.50	21.00
50	430050	Nguyễn Thị Thủy Dương	x	10/10/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	7.25	5.50	19.25
51	430051	Nguyễn Hữu Dự		12/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.50	5.25	20.00
52	430052	Ngô Khánh Đan	x	18/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	4.50	6.00	15.50
53	430053	Nguyễn Cảnh Đạt		18/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	7.50	9.25	21.75
54	430054	Nguyễn Quang Đạt		14/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.00	5.75	5.50	15.25
55	430055	Nguyễn Ngọc Mỹ Đình	x	27/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	8.50	4.75	19.25
56	430056	Lê Hải Đông		02/07/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.25	4.75	3.00	13.00
57	430057	Phạm Duy Đức		04/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.00	3.50	4.25	10.75
58	430058	Nguyễn Tấn Đức		13/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.00	1.25	3.75	8.00
59	430059	Nguyễn Văn Giang		11/12/2009	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	8.50	8.00	21.75
60	430060	Trần Bảo Hân	x	28/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.50	8.75	7.75	22.00
61	430061	Trương Bảo Hân	x	02/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.50	8.50	7.50	23.50
62	430062	Lê Bảo Ngọc Hân	x	07/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	3.75	2.25	12.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
63	430063	Đinh Ngọc Hân	x	22/05/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.00	7.00	5.50	17.50
64	430064	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	x	13/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.25	5.00	19.50
65	430065	Nguyễn Ngọc Gia Hân	x	02/09/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.50	7.75	5.75	19.00
66	430066	Nguyễn Thị Ngọc Hân	x	04/11/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.25	5.50	3.75	14.50
67	430067	Nguyễn Nhân Hậu		06/05/2009	THCS Quang Trung (CĐ)	2.75	5.50	2.50	10.75
68	430068	Lê Ngọc Diệu Hiền	x	29/12/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	5.75	8.00	18.75
69	430069	Nguyễn Đoàn Phương Hiếu	x	24/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.75	7.50	8.75	23.00
70	430070	Lê Minh Hiếu		16/10/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	3.50	6.00	2.75	12.25
71	430071	Nguyễn Trung Hiếu		05/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.00	4.25	4.50	12.75
72	430072	Hoàng Nghĩa Hiệp		17/02/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.00	6.50	4.00	15.50
73	430073	Bùi Thị Xuân Hoa	x	10/11/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.00	5.00	4.50	13.50
74	430074	Nguyễn Huy Hoàng		27/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.25	6.25	3.00	13.50
75	430075	Nguyễn Ngọc Hoàng		27/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	7.75	2.50	16.50
76	430076	Nguyễn Văn Tiên Hoàng		30/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	8.25	7.50	22.25
77	430077	Trần Đình Hải Hòa		29/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	8.75	6.00	20.75
78	430078	Nguyễn Đức Hòa		19/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.25	4.50	5.50	13.25
79	430079	Trần Thái Hòa		13/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.75	8.50	6.50	21.75
80	430080	Dương Gia Huy		01/02/2009	THCS Trần Hưng Đạo	5.00	6.00	3.00	15.00
81	430081	Lê Gia Huy		28/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.25	5.75	3.25	12.25
82	430082	Nguyễn Gia Huy		01/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.25	1.00	1.00	5.25
83	430083	Phạm Gia Huy		30/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	6.50	4.25	15.50
84	430084	Hoàng Gia Bảo Huy		30/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.25	4.50	2.50	10.25
85	430085	Nguyễn Hoàng Khánh Huy		03/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.25	5.75	4.00	14.00
86	430086	Nguyễn Minh Gia Huy		29/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	4.00	5.25	14.25
87	430087	Trương Quang Huy		10/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	9.00	6.25	21.25
88	430088	Ngô Quốc Huy		25/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.00	2.75	2.00	7.75
89	430089	Phan Quốc Huy		27/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	1.50	1.50	2.00	5.00
90	430090	Đồng Tiến Huy		06/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.75	6.75	3.25	13.75
91	430091	Mai Tuấn Huy		14/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.75	3.00	6.50	14.25
92	430092	Phạm Xuân Gia Huy		01/10/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.50	6.00	18.50
93	430093	Phạm Trương Thúy Huyền	x	18/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	2.50	6.25	3.50	12.25
94	430094	Đặng Quốc Hùng		30/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	5.50	3.25	13.75
95	430095	Nguyễn Văn Hưng		11/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.50	4.75	17.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
96	430096	Trần Thị Quỳnh Hương	x	05/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	5.25	6.25	16.75
97	430097	Phạm Ngọc Tuấn Khang		01/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	6.75	6.25	19.25
98	430098	Nguyễn Thái Gia Khang		17/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.50	7.25	6.25	19.00
99	430099	Lê Tuấn Khang		03/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	7.25	4.75	17.50
100	430100	Nguyễn Vĩnh Khang		19/10/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.50	6.50	5.75	18.75
101	430101	Ngô Bảo My Khanh	x	17/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.25	3.50	1.75	8.50
102	430102	Đoàn Gia Khiêm		23/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.25	6.25	4.50	15.00
103	430103	Nguyễn Anh Khoa		27/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.75	1.25	14.00
104	430104	Nguyễn Đăng Khoa		26/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.25	4.00	3.75	11.00
105	430105	Lê Nguyễn Anh Khoa		02/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	7.25	6.00	18.75
106	430106	Võ Phạm Anh Khoa		09/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	4.50	5.50	15.50
107	430107	Nguyễn Thành Anh Khoa		19/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	8.25	6.50	20.75
108	430108	Lê Trịnh Anh Khoa		08/12/2009	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	6.50	8.50	19.75
109	430109	Nguyễn Văn Khoa		04/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.50	4.25	16.75
110	430110	Lê Trung Kiên		23/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.75	5.75	4.25	15.75
111	430111	Lương Gia Kiệt		11/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.50	7.75	7.75	20.00
112	430112	Nguyễn Gia Kiệt		01/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.00	5.00	3.50	11.50
113	430113	Phạm Tuấn Kiệt		20/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	6.50	6.50	18.25
114	430114	Trần Tuấn Kiệt		26/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	7.50	7.75	21.25
115	430115	Lê Xuân Kiệt		28/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.75	4.50	5.00	13.25
116	430116	Nguyễn Nhã Kỳ	x	23/10/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.25	6.00	6.75	17.00
117	430117	Bùi Ngọc Lâm		27/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	7.25	4.25	16.25
118	430118	Nguyễn Trường Lâm		06/12/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	7.00	3.50	15.75
119	430119	Đào Ngọc Ánh Linh	x	01/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	4.25	4.25	13.50
120	430120	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	x	10/12/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.50	6.25	4.50	16.25
121	430121	La Ngô Diệu Linh	x	11/01/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.00	8.50	6.00	20.50
122	430122	Dương Nguyễn Phương Linh	x	06/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.50	5.00	3.25	12.75
123	430123	Lê Nhã Linh	x	11/10/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.50	4.50	4.25	12.25
124	430124	Trần Phương Linh	x	23/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.25	4.50	3.00	11.75
125	430125	Vũ Phương Linh	x	22/10/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	7.00	7.50	5.75	20.25
126	430126	Nguyễn Thị Mỹ Linh	x	12/11/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	2.50	2.25	1.25	6.00
127	430127	Trần Thị Tuyết Linh	x	14/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.00	7.75	7.75	22.50
128	430128	Nguyễn Hoàng Bảo Long		20/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	8.75	7.50	21.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
129	430129	Lê Ngọc Huy Long		15/01/2010	THCS ngoài tỉnh	4.00	5.25	5.25	14.50
130	430130	Nguyễn Văn Lộc		14/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.75	5.50	4.25	13.50
131	430131	Trần Nhật Đại Minh		07/08/2009	THCS ngoài tỉnh	3.75	7.50	7.50	18.75
132	430132	Nguyễn Hoàng Thảo My	x	15/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.50	9.00	9.25	25.75
133	430133	Trần Hồ Kiều My	x	06/08/2009	THCS Hắc Dịch	5.25	6.00	3.25	14.50
134	430134	Nguyễn Ngọc Bảo My	x	11/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.25	8.50	8.25	24.00
135	430135	Nguyễn Ngọc Hà My	x	27/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.25	6.50	3.00	13.75
136	430136	Nguyễn Thị Thảo My	x	08/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	6.75	5.25	18.25
137	430137	Trần Thị Thảo My	x	31/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.25	8.50	7.25	23.00
138	430138	Lê Trà My	x	11/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	7.50	4.75	18.25
139	430139	Đặng Thị Kiều Mỹ	x	20/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	6.50	7.00	18.25
140	430140	Nguyễn Bảo Nam		14/05/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.50	5.50	4.75	14.75
141	430141	Trần Bảo Nam		06/07/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	3.50	6.75	3.00	13.25
142	430142	Bùi Hoàng Nam		30/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	4.25	3.00	13.50
143	430143	Đào Hoàng Nam		23/08/2009	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	3.00	0.25	2.00	5.25
144	430144	Trần Nguyễn Hải Nam		26/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.50	7.00	4.50	16.00
145	430145	Bùi Nhật Nam		08/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	6.00	5.50	16.25
146	430146	Ngô Nhật Nam		23/01/2010	THCS ngoài tỉnh	4.00	7.00	5.75	16.75
147	430147	Huỳnh Tấn Hạo Nam		29/03/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.00	5.50	4.00	13.50
148	430148	Nguyễn Văn Năng		25/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	8.75	8.75	22.75
149	430149	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nga	x	05/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.75	5.75	6.00	15.50
150	430150	Bùi Thị Kim Nga	x	04/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	7.50	5.50	18.50
151	430151	Mai Thị Quỳnh Nga	x	30/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.00	4.50	6.50	18.00
152	430152	Dương Bùi Thảo Ngân	x	06/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	8.75	8.25	21.75
153	430153	Nguyễn Mỹ Ngân	x	24/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.75	8.25	6.50	21.50
154	430154	Nguyễn Ngọc Ngân	x	06/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.75	9.00	7.50	23.25
155	430155	Nguyễn Hoàng Bảo Nghi	x	25/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	8.75	8.00	22.75
156	430156	Phạm Nữ Ngọc Nghi	x	02/05/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	2.75	1.50	1.50	5.75
157	430157	Lê Danh Trọng Nghĩa		22/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	9.00	5.50	20.75
158	430158	Huỳnh Ngọc Hiếu Nghĩa		21/01/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	6.00	5.25	17.75
159	430159	Phạm Nguyễn Hữu Nghĩa		26/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.25	8.25	6.50	22.00
160	430160	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	x	23/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.50	8.25	8.00	22.75
161	430161	Trần Hoàng Bảo Ngọc	x	26/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	7.50	7.00	20.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
162	430162	Trần Như Ngọc	x	25/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.25	7.25	6.00	17.50
163	430163	Hoàng Thị Bích Ngọc	x	27/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	6.25	6.25	19.00
164	430164	Võ Hoàng Nguyên	x	05/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.75	7.00	7.50	20.25
165	430165	Lâm Khôi Nguyên		12/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	7.25	8.75	22.00
166	430166	Trương Nguyễn Thảo Nguyên	x	14/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	6.50	7.50	19.25
167	430167	Trần Thị Ánh Nguyệt	x	11/07/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	6.00	8.25	3.75	18.00
168	430168	Nguyễn Thị Thanh Nhân	x	22/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	7.75	4.25	17.00
169	430169	Lê Nguyễn Thành Nhân		01/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	7.50	6.75	19.50
170	430170	Lê Quang Nhân		02/12/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	2.50	3.25	2.50	8.25
171	430171	Phan Quốc Thiện Nhân		03/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	8.50	9.00	22.50
172	430172	Phan Thành Nhân		02/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)				0.00
173	430173	Nguyễn Trần Thiện Nhân		20/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.25	8.50	5.25	18.00
174	430174	Võ Huỳnh Long Nhật		04/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	8.00	6.25	19.75
175	430175	Trần Đỗ Phương Nhi	x	01/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.75	4.25	4.25	12.25
176	430176	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	x	20/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.50	5.50	7.00	18.00
177	430177	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	x	19/09/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.00	8.50	8.25	21.75
178	430178	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	x	25/12/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.50	8.25	9.75	24.50
179	430179	Trần Ngọc Yển Nhi	x	01/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.25	8.75	7.75	23.75
180	430180	Lê Phạm Uyên Nhi	x	05/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.00	8.75	6.50	22.25
181	430181	Nguyễn Thị Huỳnh Nhi	x	03/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.75	7.50	5.75	17.00
182	430182	Bùi Thị Lan Nhi	x	28/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	6.75	5.75	17.50
183	430183	Lê Thị Yển Nhi	x	23/05/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.25	3.75	3.75	12.75
184	430184	Phan Thị Yển Nhi	x	05/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.25	6.50	3.50	14.75
185	430185	Hồ Văn Nhỏ		17/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.00	3.25	3.50	10.75
186	430186	Nguyễn Thị Hồng Nhung	x	09/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	6.00	5.00	16.25
187	430187	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	x	22/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	9.00	8.00	23.25
188	430188	Đỗ Khả Như	x	30/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.50	6.00	4.25	15.75
189	430189	Trương Lê Quỳnh Như	x	20/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.00	8.75	7.50	23.25
190	430190	Huỳnh Lê Hạnh Như	x	29/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	8.25	7.00	20.25
191	430191	Nguyễn Ngọc Như	x	18/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.50	6.75	21.50
192	430192	Hồ Ngọc Quỳnh Như	x	19/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	6.50	3.25	15.25
193	430193	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	x	17/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.50	7.50	22.25
194	430194	Phạm Ngọc Quỳnh Như	x	01/03/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.00	5.25	2.75	13.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
195	430195	Phan Nguyễn Quỳnh Như	x	10/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.75	8.50	9.25	23.50
196	430196	Nguyễn Thanh Ngọc Như	x	18/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	7.25	5.75	18.50
197	430197	Chu Thị Quỳnh Như	x	15/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.75	3.75	4.25	12.75
198	430198	Lê Thị Quỳnh Như	x	30/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	4.75	5.25	15.25
199	430199	Nguyễn Hà Ni	x	27/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	7.25	9.50	23.25
200	430200	Nguyễn Thị Kiều Oanh	x	16/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.00	8.75	7.50	23.25
201	430201	Trần Thị Kiều Oanh	x	12/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.50	8.75	8.75	23.00
202	430202	Trần Thị Kiều Oanh	x	11/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.00	8.75	8.50	24.25
203	430203	Trần Đình Phát		11/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.25	2.00	3.75	10.00
204	430204	Võ Nguyễn Minh Phát		06/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.00	7.25	4.25	15.50
205	430205	Nguyễn Tấn Phát		23/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	8.50	7.75	21.50
206	430206	Trần Thiện Phát		05/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	9.00	7.50	23.00
207	430207	Nguyễn Trịnh Đình Phát		09/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.00	7.75	6.00	17.75
208	430208	Đặng Văn Hoàng Phẩm		25/05/2009	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	5.00	4.00	14.25
209	430209	Trần Ngọc Phi		30/03/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.25	8.25	5.00	17.50
210	430210	Ngô Gia Phong		01/05/2010	THCS Hà Huy Tập	7.25	8.50	6.75	22.50
211	430211	Nguyễn Hoài Phong		30/03/2009	THCS Quang Trung (CĐ)	0.50	1.75	3.25	5.50
212	430212	Phạm Phi Phong		02/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.50	5.75	4.50	13.75
213	430213	Hà Thanh Phong		09/07/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	6.25	5.75	4.00	16.00
214	430214	Phan Thanh Phong		10/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.50	2.75	4.00	11.25
215	430215	Đặng Thạch Truy Phong		03/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	4.25	7.50	16.75
216	430216	Lê Văn Huy Phong		10/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.75	5.25	6.00	16.00
217	430217	Nguyễn Vũ Gia Phong		12/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.75	6.00	4.25	15.00
218	430218	Quách Gia Phúc		29/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	9.00	9.50	23.75
219	430219	Lại Hồ Ngọc Phúc		10/11/2010	THCS Trương Công Định	4.50	7.50	6.50	18.50
220	430220	Hồ Minh Phúc		16/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.75	7.50	20.25
221	430221	Võ Ngọc Anh Phúc		15/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	8.50	7.25	22.25
222	430222	Trần Nhật Phúc		12/12/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	3.75	3.50	13.25
223	430223	Khổng Văn Phúc		10/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.00	5.50	17.50
224	430224	Trịnh Đình Vũ Phụng		08/10/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.75	6.50	3.75	16.00
225	430225	Ứng Hoàng Phương		15/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	7.50	5.75	19.50
226	430226	Lê Thị Thanh Phương	x	05/09/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.75	6.25	5.00	17.00
227	430227	Võ Thị Trúc Phương	x	29/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.75	8.25	6.75	20.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
228	430228	Phan Trọng Phước		04/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.50	3.75	3.25	10.50
229	430229	Trần Thị Hồng Phượng	x	07/04/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.50	7.00	4.50	17.00
230	430230	Lê Thanh Quang		01/10/2009	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.25	6.25	2.50	13.00
231	430231	Dương Đông Quân		22/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.25	8.25	5.75	18.25
232	430232	Nguyễn Ngọc Minh Quân		26/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	2.50	7.50	3.50	13.50
233	430233	Đinh Quang Bảo Quân		24/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.25	5.50	17.75
234	430234	Tạ Anh Quốc		09/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	5.00	5.25	15.50
235	430235	Đoàn Thiên Quốc		19/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.25	4.00	4.50	12.75
236	430236	Lê Hà Bảo Quyên	x	02/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	8.00	6.00	19.50
237	430237	Ngô Hoàng Quyên	x	26/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	7.25	7.75	21.50
238	430238	Nguyễn Thục Quyên	x	14/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	7.00	8.50	7.25	22.75
239	430239	Lê Võ Thảo Quyên	x	15/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.75	3.50	16.25
240	430240	Nguyễn Lê Như Quỳnh	x	24/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	8.00	7.00	21.50
241	430241	Phạm Ngọc Như Quỳnh	x	10/10/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.00	7.25	5.00	17.25
242	430242	Phan Như Quỳnh	x	28/01/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.25	6.50	3.50	14.25
243	430243	Phạm Thị Như Quỳnh	x	03/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	6.25	4.25	15.75
244	430244	Trần Ngọc Quý		19/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	7.25	6.50	20.00
245	430245	Nguyễn Hồ Châu Sa	x	07/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	5.50	4.00	14.50
246	430246	Nguyễn Thanh Sang		08/01/2009	THCS Quang Trung (CĐ)	4.00	3.75	5.00	12.75
247	430247	Phạm Thanh Sang		26/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.50	8.25	23.00
248	430248	Đỗ Hoàng Sơn		16/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	7.25	2.75	14.75
249	430249	Hoàng Thái Sơn		11/12/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.75	3.00	3.50	11.25
250	430250	Nguyễn Đức Tài		04/11/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.25	7.50	6.25	19.00
251	430251	Phùng Kim Tài		21/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.50	6.50	3.50	14.50
252	430252	Lê Hữu Tâm		22/06/2009	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.00	8.00	6.50	19.50
253	430253	Nguyễn Minh Tâm		05/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.50	6.50	4.75	16.75
254	430254	Võ Quốc Tâm		21/08/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.50	7.75	5.25	17.50
255	430255	Trần Văn Tâm		30/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.75	6.75	4.50	17.00
256	430256	Bùi Lê Quốc Tấn		30/10/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	8.25	4.25	17.25
257	430257	Trần Thanh		08/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	8.75	8.00	23.00
258	430258	Nguyễn Huy Thành		28/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	8.50	8.00	22.50
259	430259	Đặng Ngọc Thảo	x	26/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.00	3.50	4.00	11.50
260	430260	Bạch Thị Thanh Thảo	x	09/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	4.50	5.00	15.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
261	430261	Trần Trương Thạch Thảo	x	08/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	5.75	3.50	14.50
262	430262	Nguyễn Cao Thắng		17/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.50	2.75	2.25	9.50
263	430263	Bùi Văn Thắng		30/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.75	5.00	2.00	12.75
264	430264	Nguyễn Việt Thắng		15/11/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.75	2.25	4.00	11.00
265	430265	Trần Hạo Thiên		24/05/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.50	3.25	5.25	13.00
266	430266	Đặng Phạm Hưng Thịnh		20/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.75	7.25	22.25
267	430267	Trần Phúc Thịnh		24/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	8.00	9.25	22.50
268	430268	Nguyễn Tấn Thịnh		26/10/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	8.50	5.75	20.75
269	430269	Lê Thái Thịnh		25/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.75	3.75	5.00	13.50
270	430270	Nguyễn Xuân Thông		08/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	6.25	3.75	14.75
271	430271	Lê Công Thuận		06/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.75	8.75	9.50	25.00
272	430272	Nguyễn Tiến Thuận		08/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.75	4.25	3.25	12.25
273	430273	Võ Thị Thu Thủy	x	02/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	4.25	2.75	12.00
274	430274	Lê Cao Anh Thư	x	01/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	8.25	5.50	5.25	19.00
275	430275	Nguyễn Ngọc Minh Thư	x	21/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.75	6.25	5.25	17.25
276	430276	Hồ Bảo Thy	x	16/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.50	5.25	4.50	15.25
277	430277	Phạm Thị Phương Thy	x	24/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	8.25	8.75	7.25	24.25
278	430278	Lê Thị Thoại Tiên	x	26/07/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	9.00	5.75	21.25
279	430279	Lê Thị Thủy Tiên	x	15/12/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.50	6.50	3.75	14.75
280	430280	Nguyễn Trần Hồng Tiên	x	01/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	4.00	4.50	13.75
281	430281	Nguyễn Đức Tiến		13/08/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	6.00	8.50	6.75	21.25
282	430282	Nguyễn Minh Tiến		30/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	2.75	4.00	4.50	11.25
283	430283	Phạm Minh Tiến		03/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.75	9.50	24.50
284	430284	Nguyễn Quốc Tiến		31/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	8.75	8.25	23.00
285	430285	Nguyễn Đăng Toàn		12/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	7.50	5.75	19.75
286	430286	Võ Ngọc Kiều Trang	x	27/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.50	4.00	3.75	12.25
287	430287	Nguyễn Thị Đoàn Trang	x	09/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.75	9.00	8.00	23.75
288	430288	Nguyễn Bảo Trân	x	28/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	2.75	3.50	4.00	10.25
289	430289	Trần Huyền Trân	x	26/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	5.00	5.50	15.75
290	430290	Lê Hoàng Minh Triều		07/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	5.50	3.25	13.75
291	430291	Dương Ngọc Phương Trinh	x	25/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.00	8.75	9.25	25.00
292	430292	Lê Nguyễn Hương Trinh	x	27/04/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.00	6.50	3.75	14.25
293	430293	Lương Thị Ngọc Trinh	x	01/08/2010	THCS Trần Hưng Đạo				0.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
294	430294	Ngô Đình Trí		17/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)				0.00
295	430295	Lưu Ngọc Trí		17/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.50	8.75	8.00	21.25
296	430296	Ksor Thanh Trọng		31/10/2010	THCS Trần Hưng Đạo	4.25	2.75	2.75	10.75
297	430297	Đào Mạnh Trung		09/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	6.75	6.25	18.25
298	430298	Hồ Nguyễn Bảo Trúc	x	14/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	6.25	3.50	14.50
299	430299	Nguyễn Thị Thanh Trúc	x	11/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	5.50	4.50	15.25
300	430300	Nguyễn Chí Trường		08/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.00	4.50	2.75	10.25
301	430301	Nguyễn Văn Minh Trường		26/10/2009	THCS Trần Hưng Đạo	6.00	7.75	5.50	19.25
302	430302	Đinh Long Ngọc Tuấn		24/10/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	3.75	3.00	8.25	15.00
303	430303	Trần Nguyên Tuấn		11/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.25	3.75	4.25	12.25
304	430304	Mai Văn Tuấn		26/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.00	9.00	4.75	19.75
305	430305	Nguyễn Ngọc Tuyền	x	26/01/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.50	6.75	3.00	14.25
306	430306	Đặng Thị Bích Tuyền	x	16/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.25	4.75	17.00
307	430307	Bùi Thị Cẩm Tú	x	05/05/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.00	7.25	6.25	18.50
308	430308	Lê Thị Ngọc Tú	x	10/01/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.50	6.00	6.75	17.25
309	430309	Trần Trung Tường		05/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	8.50	7.75	22.50
310	430310	Lê Uy		24/12/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.75	9.00	8.75	22.50
311	430311	Vũ Thị Phương Uyên	x	15/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.75	3.75	3.25	10.75
312	430312	Phan Thị Thu Uyên	x	04/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	8.25	7.50	22.00
313	430313	Trần Thiện Văn		04/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	6.00	5.50	16.75
314	430314	Nguyễn Ngọc Ái Văn	x	20/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	3.25	2.25	11.50
315	430315	Nguyễn Ngọc Kiều Văn	x	31/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	7.50	7.00	20.50
316	430316	Phan Thị Tường Vi	x	20/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.25	7.00	9.00	22.25
317	430317	Thái Thanh Việt		06/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	8.00	6.50	20.50
318	430318	Nguyễn Trí Việt		04/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	8.00	6.25	20.25
319	430319	Phan Gia Vĩ		08/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.00	7.25	5.50	17.75
320	430320	Lê Quang Anh Vũ		14/11/2010	THCS Châu Đức				0.00
321	430321	Hoàng Thiên Vũ		18/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	3.50	2.25	3.25	9.00
322	430322	Lê Ái Quốc Vương		23/04/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.50	7.25	6.50	20.25
323	430323	Trần Kiều Vy	x	25/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	4.25	6.75	3.25	14.25
324	430324	Trần Lê Phương Vy	x	11/11/2008	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	5.00	2.50	12.75
325	430325	Nguyễn Ngọc Tường Vy	x	01/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.75	4.75	5.75	16.25
326	430326	Tạ Ngọc Tường Vy	x	30/09/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	6.50	3.00	14.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
327	430327	Hà Nguyễn Trúc Vy	x	22/08/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	4.25	2.75	2.25	9.25
328	430328	Nguyễn Thị Yến Vy	x	13/04/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.25	8.00	5.50	18.75
329	430329	Nguyễn Trúc Vy	x	24/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.00	5.25	4.00	15.25
330	430330	Lê Uyên Vy	x	11/03/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	6.25	4.75	6.00	17.00
331	430331	Võ Hoàn Gia Vỹ		04/06/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.25	5.75	6.00	17.00
332	430332	Võ Hải Yến	x	10/02/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	4.50	5.75	15.75
333	430333	Đặng Ngọc Yến	x	09/05/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	4.75	7.00	2.50	14.25
334	430334	Nguyễn Thị Ngọc Yến	x	09/07/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.75	8.50	7.00	21.25
335	430335	Nguyễn Thị Ngọc Yến	x	09/03/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.75	9.00	6.75	21.50
336	430336	Hà Như Ý	x	07/05/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	6.25	8.75	6.25	21.25

Bảng này có 336 thí sinh. Có 332 thí sinh dự thi đủ môn.

** Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.*